**QUY CHẾ HƯỚNG DẪN**

**TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /NQ-UBTVQH14 ngày tháng năm 2018 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội khoá XIV)*

**CHƯƠNG 1**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

**Điều 1. Kỳ họp bất thường khi có ít nhất một phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu và kỳ họp cuối nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân**

1. Khi có yêu cầu tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân bất thường thì các đại biểu Hội đồng nhân dân đề nghị bằng văn bản và gửi về Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp. Văn bản phải nêu lý do đề nghị, có đầy đủ chữ ký, họ tên, địa chỉ của đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định tổ chức kỳ họp Hội đồng nhân dân bất thường khi có ít nhất 1/3 tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân yêu cầu.

2. Kỳ họp cuối nhiệm kỳ được tiến hành chậm nhất 30 ngày trước ngày bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân khoá mới. Tại kỳ họp này, ngoài những nội dung của kỳ họp thường lệ, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp báo cáo công tác trong nhiệm kỳ của Hội đồng nhân dân.

**Điều 2. Hội nghị liên tịch để chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Hội nghị liên tịch để chuẩn bị kỳ họp Hội đồng nhân dân do Thường trực Hội đồng nhân dân triệu tập và chủ trì họp với Uỷ ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp. Đối với cấp tỉnh, cấp huyện thì mời thêm Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp để dự kiến nội dung kỳ họp, những vấn đề khác có liên quan và giao cho các cơ quan hữu quan chuẩn bị.

Hội nghị liên tịch để chuẩn bị kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân khóa mới do Thường trực Hội đồng nhân dân khóa trước triệu tập và chủ trì.

2. Hội nghị liên tịch để chuẩn bị kỳ họp thường lệ được tiến hành chậm nhất 40 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

Hội nghị liên tịch để chuẩn bị kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân khóa mới và kỳ họp bất thường được tiến hành chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

**Điều 3. Phiên họp trù bị kỳ họp Hội đồng nhân dân**

Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc tổ chức, nội dung, thành phần tham dự phiên họp trù bị kỳ họp Hội đồng nhân dân cùng cấp.

**Điều 4. Cách thức quyết định các vấn đề tại kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Hội đồng nhân dân quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân bằng hình thức biểu quyết giơ tay hoặc biểu quyết qua hệ thống biểu quyết điện tử, trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Trong trường hợp cần biểu quyết lại một vấn đề đã được Hội đồng nhân dân biểu quyết thì Chủ tọa phiên họp tự mình hoặc trên cơ sở đề nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân, cơ quan, tổ chức trình dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc biểu quyết lại.

2. Hội đồng nhân dân quyết định bằng hình thức bỏ phiếu kín đối với các trường hợp sau đây:

a) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh do Hội đồng nhân dân bầu;

b) Cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân; bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân;

c) Lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm đối với các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu;

d) Quyết định các vấn đề khác mà Hội đồng nhân dân xét thấy cần thiết phải bỏ phiếu kín.

**Điều 5. Công tác thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định thành phần, số lượng, danh sách tổ thư ký để phục vụ kỳ họp Hội đồng nhân dân và báo cáo Hội đồng nhân dân tại phiên họp trù bị (nếu có) hoặc tại phiên khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân.

2.Nhiệm vụ của Tổ thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân

a. Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp;

b. Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp;

c. Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến phát biểu của đại biểu tại cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và phiên họp toàn thể;

d Tham mưu cho Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện các quy trình, thủ tục tại kỳ họp;

đ Giúp Chủ tọa kỳ họp cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp;

e. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

**Điều 6. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân quyết định về nhân sự**

1. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân về người được giới thiệu để bầu giữ chức danh, bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trình.

b) Hồ sơ về người được giới thiệu vào các chức danh để Hội đồng nhân dân bầu, cụ thể như sau:

- Sơ yếu lý lịch theo quy định do cá nhân tự khai được cơ quan trực tiếp quản lý xác nhận có dán ảnh màu và đóng dấu giáp lai;

- Bản kê khai tài sản, thu nhập theo mẫu quy định của Thanh tra Chính phủ;

- Bản sao các văn bằng, chứng chỉ có chứng thực;

- Quyết định hoặc văn bản thông báo ý kiến về nhân sự của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Hồ sơ về người ứng cử do đại biểu Hội đồng nhân dân giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử vào các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương thì cũng phải tài liệu đầy đủ như quy định tại điểm b khoản 1, nếu là Đảng viên, phải có văn bản đồng ý giới thiệu của cấp ủy có thẩm quyền quản lý cán bộ theo quy định của Đảng. Hồ sơ phải được gửi tới Thường trực Hội đồng nhân dân trước phiên họp bầu chức danh đó.

3. Hồ sơ trình Hội đồng nhân dân miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu; cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân, bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân bao gồm:

a) Tờ trình của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trình;

b) Các tài liệu khác theo quy định.

**Điều 7. Trình tự Hội đồng nhân dân bầu các chức danh**

1. Người có thẩm quyền giới thiệu trình bày tờ trình về dự kiến nhân sự bầu chức danh đó tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

2. Hội đồng nhân dân thảo luận.

Trường hợp nếu có đại biểu Hội đồng nhân dân ứng cử hoặc giới thiệu thêm người ứng cử ngoài danh sách đã được người có thẩm quyền giới thiệu thì Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định số lượng, danh sách những người ứng cử vào chức danh đó bằng hình thức biểu quyết giơ tay hoặc biểu quyết bằng hệ thống điện tử.

3. Người giới thiệu giải trình tiếp thu ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có).

4. Hội đồng nhân dân thành lập Ban kiểm phiếu.

5. Hội đồng nhân dân bỏ phiếu.

6. Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.

7. Hội đồng nhân dân thảo luận, biểu quyết thông qua Nghị quyết về việc bầu đối với chức danh được giới thiệu.

8. Đối với việc bầu ủy viên Ủy ban nhân dân:

Phương án 1: Căn cứ vào kết quả bầu của Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện ra quyết định bổ nhiệm Ủy viên Ủy ban nhân dân vào chức danh người đứng đầu cơ quan chuyên môn tương ứng thuộc Ủy ban nhân dân cùng cấp (trừ Ủy viên phụ trách công an và Ủy viên phụ trách quân sự) đối với người còn từ 2 năm công tác trở lên.

Trường hợp còn dưới 2 năm công tác thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, huyện ban hành quyết định kéo dài thời hạn giữ chức danh người đứng đầu cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định.

Phương án 2: Trước khi được bầu là Ủy viên Ủy ban nhân dân, người được giới thiệu bầu phải là người đứng đầu cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân, Ủy viên phụ trách quân sự, Ủy viên phụ trách công an.

**Điều 8. Trình tự miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu.**

1. Người có thẩm quyền giới thiệu trình bày tờ trình về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh do Hội đồng nhân dân bầu.

2. Hội đồng nhân dân thảo luận.

3. Người giới thiệu giải trình tiếp thu ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có).

4. Người được đề nghị miễn nhiệm, bãi nhiệm phát biểu ý kiến (nếu có).

5. Hội đồng nhân dân thành lập Ban kiểm phiếu.

6. Hội đồng nhân dân bỏ phiếu.

7. Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.

8. Hội đồng nhân dân thảo luận, biểu quyết thông qua Nghị quyết về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm.

**Điều 9. Trình tự cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân gửi đơn xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu đến Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân. Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân phải có ý kiến của Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

3. Trước khi Hội đồng nhân dân thảo luận, người được cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân phát biểu ý kiến (nếu có).

4. Hội đồng nhân dân thành lập Ban Kiểm phiếu.

5. Hội đồng nhân dân bỏ phiếu.

6. Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.

7. Hội đồng nhân dân thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân.

**Điều 10. Trình tự bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân. Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân phải có ý kiến của Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

2. Trước khi Hội đồng nhân dân thảo luận, người được đề nghị bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân phát biểu ý kiến (nếu có), trừ trường hợp bị tạm giam theo quy định của cơ quan có thẩm quyền.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân giải trình tiếp thu ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân (nếu có).

4. Hội đồng nhân dân thành lập Ban Kiểm phiếu.

5. Hội đồng nhân dân bỏ phiếu bãi nhiệm.

6. Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.

7. Hội đồng nhân dân thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân.

**Điều 11. Trình tự Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét việc tạm đình chỉ và việc trở lại thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định tạm đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân bị khởi tố bị can theo trình tự sau:

a) Trường hợp là đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện do Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp báo cáo; Trường hợp là đại biểu HĐND cấp xã do đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp huyện báo cáo;

b) Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân trình bày dự thảo Nghị quyết;

c) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết;

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc đại biểu Hội đồng nhân dân trở lại thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đại biểu Hội đồng nhân dân khi cơ quan có thẩm quyền đình chỉ điều tra, đình chỉ vụ án đối với đại biểu hoặc có bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật tuyên đại biểu không có tội hoặc được miễn trách nhiệm hình sự theo trình tự sau:

a) Trường hợp là đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện do Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp báo cáo; Trường hợp là đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã do đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện báo cáo;

b) Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân trình dự thảo Nghị quyết;

c) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết;

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua nghị quyết.

3. Trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân đương nhiên mất quyền đại biểu do bị kết tội bằng bản án, quyết định của Tòa án nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp gần nhất.

4. Nghị quyết về việc tạm đình chỉ hoặc xem xét trở lại thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân được thông báo tới Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

**Điều 12. Trình tự Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét việc bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Hội đồng nhân dân xem xét việc bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân trong thời gian diễn ra kỳ họp Hội đồng nhân dân theo trình tự sau:

a) Trường hợp là đại biểu Hội đồng nhân cấp tỉnh, cấp huyện do Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp trình bày Tờ trình; Trường hợp là đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã do đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện trình bày Tờ trình:

b) Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân trình dự thảo Nghị quyết;

c) Hội đồng nhân dân thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Hội đồng nhân dân biểu quyết;

đ) Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua nghị quyết;

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét việc bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân trong thời gian không diễn ra kỳ họp Hội đồng nhân dân theo trình tự sau:

a) Trường hợp là đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, huyện do Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp trình bày Tờ trình; Trường hợp là đại biểu Hội đồng nhân dân cấp xã do đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp huyện trình bày Tờ trình;

b) Ban Pháp chế Hội đồng nhân trình dự thảo Nghị quyết;

c) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận;

d) Chủ tọa phiên họp tổng hợp ý kiến phát biểu, nêu nội dung để Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết;

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua nghị quyết;

e) Tại kỳ họp gần nhất, Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân về việc phê chuẩn đề nghị về việc bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Nghị quyết về việc bắt, giam, giữ, khởi tố, khám xét nơi ở, nơi làm việc của đại biểu Hội đồng nhân dân được thông báo tới Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp.

**Điều 13. Trình tự bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện**

1. Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp giới thiệu nhân sự bầu Hội thẩm Tòa án nhân dân tại kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân mỗi khóa.

Chánh án Tòa án nhân dân cùng cấp sau khi thống nhất với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp trình Hội đồng nhân dân việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân.

2. Hội đồng nhân dân thảo luận.

3. Hội đồng nhân dân thành lập Ban Kiểm phiếu.

4. Hội đồng nhân dân tiến hành bỏ phiếu.

5. Ban Kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.

6. Hội đồng nhân dân thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Hội thẩm nhân dân.

**Điều 14. Ban kiểm phiếu**

1. Ban kiểm phiếu gồm Trưởng Ban và các thành viên là đại biểu Hội đồng nhân dân do Hội đồng nhân dân bầu ra theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng nhân dân. Tại kỳ họp thứ nhất mỗi khóa Hội đồng nhân dân, thành viên Ban kiểm phiếu do Chủ tịch Hội đồng nhân dân khóa trước hoặc Chủ tọa kỳ họp đề nghị. Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là người trong danh sách đề nghị Hội đồng nhân dân bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cho thôi làm nhiệm vụ, lấy phiếu tín nhiệm, bỏ phiếu tín nhiệm.

2. Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ phổ biến hướng dẫn thủ tục, trình tự bỏ phiếu, kiểm phiếu; công bố kết quả bỏ phiếu, điều hành việc biểu quyết bằng bỏ phiếu kín; xác định kết quả biểu quyết, kết quả kiểm phiếu, lập biên bản và báo cáo Hội đồng nhân dân kết quả biểu quyết, kiểm phiếu; niêm phong phiếu bầu; giải trình ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân về việc biểu quyết, việc kiểm phiếu.

3. Ban kiểm phiếu xác định kết quả biểu quyết bằng bỏ phiếu kín theo nguyên tắc sau đây:

a) Người được quá nửa số phiếu hợp lệ tán thành so với tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân và được nhiều phiếu tán thành hơn thì trúng cử. Trường hợp cùng bầu một chức danh mà nhiều người được số phiếu tán thành ngang nhau và đạt quá nửa số phiếu hợp lệ tán thành so với tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân thì Hội đồng nhân dân bầu lại chức danh này trong số những người được số phiếu hợp lệ tán thành ngang nhau. Trong số những người được đưa ra biểu quyết lại, người được số phiếu nhiều hơn là người trúng cử; nếu biểu quyết lại mà nhiều người vẫn được số phiếu tán thành ngang nhau thì người nhiều tuổi hơn là người trúng cử;

b) Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh do Hội đồng nhân dân bầu, việc cho thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân phải được quá nửa số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành;

c) Việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân phải được ít nhất hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân biểu quyết tán thành;

d) Ban kiểm phiếu hết nhiệm vụ sau khi công bố kết quả kiểm phiếu hoặc kết quả biểu quyết. Trường hợp một kỳ họp tiến hành nhiều lần bỏ phiếu kín, Hội đồng nhân dân có thể quyết định việc Ban kiểm phiếu đã được thành lập trong lần bỏ phiếu trước tiếp tục làm việc trong các lần bỏ phiếu tiếp theo;

5. Sau khi Ban kiểm phiếu hết nhiệm vụ, nếu có khiếu nại, tố cáo của đại biểu Hội đồng nhân dân về việc kiểm phiếu, Thường trực Hội đồng nhân dân có trách nhiệm xem xét, giải quyết và báo cáo kết quả với Hội đồng nhân dân.

6. Thể lệ bỏ phiếu, mẫu phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, biên bản kết quả biểu quyết bằng bỏ phiếu kín, biên bản niêm phong phiếu biểu quyết do Thường trực Hội đồng nhân dân quy định.

**Điều 15.** **Phê chuẩn kết quả bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân**

1. Hồ sơ đề nghị phê chuẩn kết quả bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân gồm:

a) Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân kèm theo danh mục Hồ sơ được quy định tại khoản 2 Điều 8 của Quy chế này;

b) Biên bản kiểm phiếu;

c) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về việc bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

d) Quyết định hoặc văn bản thông báo ý kiến về nhân sự của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp quản lý cán bộ.

2. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền không phê chuẩn kết quả bầu chức danh trên thì các văn bản do Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký thay mặt Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân vẫn có giá trị pháp lý. Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân không thực hiện nhiệm vụ kể từ khi cơ quan có thẩm quyền ban hành văn bản trả lời về việc không phê chuẩn kết quả bầu chức danh trên.

**Điều 16.** **Phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân**

1. Hồ sơ đề nghị phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân gồm:

a) Tờ trình của Thường trực Hội đồng nhân dân đề nghị phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

b) Biên bản kiểm phiếu;

c) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân;

2. Trong trường hợp cơ quan có thẩm quyền không phê chuẩn kết quả miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh trên thì các chức danh đó tiếp tục thực hiện nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

**Điều 17. Việc Hội đồng nhân dân không bầu được các chức danh của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tại kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1.Trong trường hợp Hội đồng nhân dân không bầu được các chức danh của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thì người có thẩm quyền giới thiệu có trách nhiệm tiếp tục giới thiệu để Hội đồng nhân dân bầu.

Tại kỳ họp thứ nhất, trong quá trình thực hiện việc bầu Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Chủ tịch Ủy ban nhân dân, theo đề nghị của Chủ tọa kỳ họp, Hội đồng nhân dân có thể quyết định tạm dừng kỳ họp thứ nhất để thực hiện công tác nhân sự. Thời gian tạm dừng kỳ họp thứ nhất không quá 05 ngày làm việc.

2. Trong nhiệm kỳ nếu khuyết Chủ tịch Hội đồng nhân dân thì Thường trực Hội đồng nhân dân phân công một Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân phụ trách để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng nhân dân.

3. Trong trường hợp Hội đồng nhân dân không bầu được người đứng đầu cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân làm Ủy viên Ủy ban nhân dân thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân ra quyết định miễn nhiệm chức danh người đứng đầu cơ quan chuyên môn (nếu thực hiện theo Phương án 2 của Khoản 8 Điều 7, dự thảo Quy chế).

**CHƯƠNG 2**

**THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, CÁC BAN**

**CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,**

**ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

**Điều 18. Trình tự xem xét giải quyết những vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân của Thường trực Hội đồng nhân dân**

1. Giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân, đối với những vấn đề phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân được Hội đồng nhân dân giao cho Thường trực Hội đồng nhân xem xét, giải quyết thì thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Ủy ban nhân dân báo cáo về việc giải quyết các vấn đề phát sinh tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân;

b) Ban của Hội đồng nhân dân trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Thường trực Hội đồng nhân dân thảo luận;

d) Đại diện Ủy ban nhân dân giải trình (nếu có);

đ) Thường trực Hội đồng nhân dân biểu quyết thông qua kết luận việc giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân.

e. Báo cáo kết quả giải quyết với Hội đồngnhân dân tại kỳ họp gần nhất.

2. Hội đồng nhân dân xem xét quyết định việc Thường trực Hội đồng nhân dân giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân. Trong trường hợp cần thiết, Hội đồng nhân dân ban hành nghị quyết về vấn đề đã được Thường trực Hội đồng nhân dân giải quyết trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân

**Điều 19. Thành lập Ban Dân tộc Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện.**

1. Tại kỳ họp thứ nhất, Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện có trách nhiệm rà soát, đối chiếu tình hình, đặc điểm của địa phương với các tiêu chuẩn, điều kiện quy định pháp luật để trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, thông qua Nghị quyết về việc thành lập Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân.

2. Trong nhiệm kỳ, địa phương đủ điều kiện thành lập Ban Dân tộc theo quy định tại Nghị quyết 1130/2016/UBTVQH13 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua Nghị quyết thành lập Ban Dân tộc của Hội đồng nhân dân tại kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất.

**Điều 20. Quyết định phê chuẩn Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân**

1. Trên cơ sở số lượng các Ban, chức năng, nhiệm vụ của mỗi Ban của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân dự kiến cơ cấu, thành phần, số lượng thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân khóa mới xem xét, quyết định.

2. Trên cơ sở đăng ký của đại biểu Hội đồng nhân dân và số lượng thành viên của mỗi Ban, các ban Hội đồng nhân dân tổng hợp danh sách ủy viên của Ban trình Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định. Việc lập và phê chuẩn danh sách ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân căn cứ vào sự phù hợp về chuyên môn, nghiệp vụ, kinh nghiệm, vị trí công tác của mỗi đại biểu, yêu cầu về số lượng, cơ cấu của từng Ban và xem xét nguyện vọng của từng đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Việc cho thôi làm ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân do Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

**Điều 21. Chuyển sinh hoạt Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Khi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện chuyển công tác hoặc nơi cư trú đến địa phương khác trong cùng đơn vị hành chính cấp đại biểu được bầu, đại biểu đó có thể chuyển sinh hoạt Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân nơi mình đang sinh hoạt đến Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân nơi mình công tác hoặc cư trú.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân gửi đơn chuyển sinh hoạt Tổ tới Thường trực Hội đồng nhân dân. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc chuyển sinh hoạt Tổ của đại biểu và thông báo tới Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân nơi đại biểu chuyển đi và nơi đại biểu chuyển đến sinh hoạt.

**Điều 22. Xác nhận tính pháp lý các văn bản của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân sử dụng con dấu của Hội đồng nhân dân cùng cấp.

2. **Trên cơ sở quyết định số lượng Tổ đại biểu** Hội đồng nhân dân**, quyết định phân công Tổ trưởng, Tổ phó Tổ đại biểu** Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân gửi văn bản thông báo chữ ký của Tổ trưởng, Tổ phó đến các cơ quan, tổ chức trên địa bàn hoạt động của Tổ.

Trong trường hợp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, hoặc chủ động thực hiện nhiệm vụ thuộc thẩm quyền của mình, Tổ trưởng hoặc Tổ phó Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân được ký các văn bản phục **vụ hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân. Chữ ký của Tổ trưởng, Tổ phó tổ đại biểu Hội đồng nhân dân là cơ sở xác nhận tính pháp lý của các hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.**

**Điều 23. Thẻ đại biểu Hội đồng nhân dân**

Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp phát hành thẻ đại biểu Hội đồng nhân dân theo mẫu do Bộ Nội vụ hướng dẫn. Thẻ đại biểu Hội đồng nhân dân do Chủ tịch Hội đồng nhân dân cùng cấp ký chứng thực và được cấp phát cho đại biểu Hội đồng nhân dân trong quá trình thực hiện nhiệm vụ đại biểu.

**Điều 24. Việc chuyển công tác của đại biểu Hội đồng nhân dân ra khỏi địa phương nơi đại biểu được bầu**

Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trước khi ra quyết định chuyển công tác của đại biểu Hội đồng nhân dân ra khỏi địa phương nơi đại biểu được bầu thì phải thông báo đến Thường trực Hội đồng nhân dân.

Thường trực Hội đồng nhân dân báo cáo Hội đồng nhân dân tại kỳ họp và thông báo tới Ban thường trực Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, cử tri nơi bầu ra đại biểu Hội đồng nhân dân đó biết việc chuyển công tác của đại biểu.

2. Trong trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân chuyển công tác khỏi địa phương nơi đại biểu được bầu nhưng vẫn cư trú tại địa phương thì vẫn tiếp tục được làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân tại đơn vị đó, trừ trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân có đơn đề nghị xin thôi làm nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân.

**Điều 25. Việc phân công tiếp xúc cử tri giữa hai kỳ họp và việc thảo luận tại kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp xã**

Trong quá trình tiếp xúc cử tri hoặc thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân cấp xã, để thuận lợi trong quá trình hoạt động và trao đổi, thảo luận Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã phân công 1 đại biểu trực tiếp thực hiện nhiệm vụ tiếp xúc cử tri tại các thôn, bản, tổ dân phố hoặc một đại biểu được bầu tại thôn, bản, tổ dân phố giúp Thường trực Hội đồng nhân dân tiếp nhận thông tin, trao đổi, thảo luận.

**CHƯƠNG 3**

**HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**

MỤC 1

HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN VÀ HOẠT ĐỘNG CHẤT VẤN, GIẢI TRÌNH CỦA THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

**Điều 26. Tiêu chí lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân và phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân**

1. Nhóm vấn đề chất vấn được lựa chọn theo tiêu chí sau:

a) Là vấn đề bức xúc, nổi lên trong đời sống kinh tế - xã hội của địa phương, được nhiều đại biểu Hội đồng nhân dân, cử tri quan tâm, vấn đề có dấu hiệu vi phạm pháp luật, vấn đề chất vấn đã được người bị chất vấn trả lời bằng văn bản nhưng đại biểu Hội đồng nhân dân không đồng ý với nội dung trả lời, được Thường trực Hội đồng nhân dân đồng ý trình Hội đồng nhân dân xem xét cho trả lời tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

b) Những vấn đề mà Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân thấy trong quá trình thực hiện còn nhiều vấn đề tồn tại, yếu kém, cần được Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân chất vấn, làm rõ và đưa ra những yêu cầu, giải pháp kịp thời để khắc phục.

c) Không chất vấn những vấn đề đã có trong nghị quyết về chất vấn và nghị quyết giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian 12 tháng trước thời điểm chất vấn.

d) Phù hợp với tổng thời gian tổ chức phiên họp chất vấn.

2. Vấn đề chất vấn thuộc trách nhiệm của cá nhân nào thì cá nhân đó trả lời chất vấn. Các cá nhân có liên quan trả lời làm rõ thêm những vấn đề thuộc nhiệm vụ và quyền hạn được giao; Chủ tịch Ủy ban nhân dân hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phụ trách lĩnh vực trả lời các chất vấn có liên quan thuộc trách nhiệm của Ủy ban nhân dân.

3. Trường hợp có lý do đặc biệt, chính đáng không thể tham dự phiên họp thì người bị chất vấn gửi văn bản nêu rõ lý do đến Thường trực Hội đồng nhân dân để báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân xem xét, quyết định.

**Điều 27. Thời hạn và trách nhiệm của các cơ quan trong việc tổng hợp thông tin để lựa chọn vấn đề chất vấn và người bị chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân**

1. Chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp gửi tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan, tổ chức, đơn vị ở địa phương mình đến Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Chậm nhất 05 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân hoàn thành việc tổng hợp dư luận xã hội về những vấn đề nổi bật trên địa bàn địa phương giữa hai kỳ họp và đề xuất nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

**Điều 28. Tổ chức chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.**

1. Khi Hội đồng nhân dân dân xem xét, quyết định chương trình giám sát hằng năm, Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân quyết định:

a) Việc tổ chức chất vấn tại kỳ họp hằng năm.

b) Việc chất vấn kết hợp với xem xét việc thực hiện Nghị quyết của Hội đồng nhân dân về chất vấn, giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân.

c) Việc không tổ chức hoạt động chất vấn tại kỳ họp đầu tiên và kỳ họp cuối cùng của nhiệm kỳ.

2. Căn cứ vào tiêu chí lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn quy định tại Điều 29 bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân tập hợp từ các nhóm vấn đề chất vấn, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân cùng cấp quyết định để xin ý kiến các vị đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Chậm nhất 01 ngày trước ngày tổ chức phiên chất vấn, khai mạc, Thường trực Hội đồng nhân dân gửi xin ý kiến các đại biểu Hội đồng nhân dân về đề xuất nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

4. Căn cứ kết quả tổng hợp phiếu xin ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân, bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định lựa chọn các nhóm vấn đề chất vấn theo nguyên tắc lấy từ cao xuống thấp và lựa chọn người bị chất vấn tương ứng với nhóm vấn đề.

5. Căn cứ chương trình kỳ họp, nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn đã được Hội đồng nhân dân quyết định lựa chọn, bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp thông báo đến người bị chất vấn ngay sau khi có quyết định của Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp về việc lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn.

6. Các thành viên của Ủy ban nhân dân, Chánh án Tòa án nhân dân, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp tham dự phiên họp chất vấn để trả lời chất vấn có liên quan của đại biểu Hội đồng nhân dân.

7. Tại phiên họp chất vấn, trước khi đại biểu Hội đồng nhân dân chất vấn, đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân trình bày báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri gửi đến Hội đồng nhân dân tại kỳ họp trước, thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân các cấp trình bày báo cáo tổng hợp việc thực hiện các nghị quyết về chất vấn, các vấn đề đã hứa tại các kỳ họp trước, tình hình trả lời chất vấn đối với những chất vấn được Hội đồng nhân dân cùng cấp cho trả lời bằng văn bản; tổng hợp tình hình chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

**Điều 29. Báo cáo tổng hợp chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân**

1. Trong thời gian giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân ghi vấn đề chất vấn, người bị chất vấn và gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân qua bộ máy giúp việc.

2. Chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc phiên họp chất vấn của Thường trực Hội đồng nhân dân, bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp thông báo ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân về việc tổ chức chất vấn tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân đến đại biểu Hội đồng nhân dân và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

**Điều 30. Trình tự, thủ tục lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân**

1. Căn cứ vào tiêu chí lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn quy định tại Điều 29, chậm nhất 12 ngày trước ngày khai mạc phiên họp chất vấn, bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân dự kiến nhóm vấn đề chất vấn và người bị chất vấn, báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành kế hoạch tổ chức hoạt động chất vấn tại phiên họp chất vấn; Chậm nhất là 05 ngày trước ngày khai mạc phiên họp chất vấn, kế hoạch này được gửi đến đại biểu Hội đồng nhân dân và các cơ quan hữu quan. Kế hoạch chất vấn phải nêu rõ nhóm vấn đề chất vấn, người bị chất vấn, thời gian, địa điểm tổ chức chất vấn và các nội dung có liên quan.

**Điều 31. Chất vấn, giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định số lượng và thời gian tổ chức phiên họp chất vấn, phiên họp giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách tham dự phiên họp chất vấn, phiên họp giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân. Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc mời các đại biểu Hội đồng nhân dân kiêm nhiệm cùng cấp tham dự phiên họp chất vấn, phiên họp giải trình của Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp dự kiến chương trình phiên họp chất vấn, phiên họp giải trình để trình Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định; chương trình phiên họp chất vấn, phiên họp giải trình được thông báo đến đại biểu Hội đồng nhân dân và người bị chất vấn, người bị giải trình chậm nhất là 03 ngày trước ngày chất vấn.

4. Kết thúc phiên chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định về việc ban hành hoặc không ban hành nghị quyết về chất vấn.

Kết thúc phiên giải trình, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc ban hành kết luận về vấn đề được giải trình.

**Điều 32. Trả lời chất vấn bằng văn bản**

1. Ngay sau khi Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân lựa chọn nhóm vấn đề chất vấn, Thường trực Hội đồng nhân dân gửi đến người bị chất vấn những chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân không thuộc nhóm vấn đề chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân, phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân theo quy định tại điểm a, khoản 4 Điều 60 và điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Chậm nhất là 03 ngày kể từ ngày bế mạc phiên họp chất vấn, Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp gửi đến người bị chất vấn những chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân, thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân được Thường trực Hội đồng nhân dân cho trả lời bằng văn bản theo quy định tại điểm b, điểm c, khoản 4 Điều 60 và điểm b, điểm c khoản 3 Điều 69 của Luật hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp theo dõi, đôn đốc, tập hợp việc trả lời chất vấn bằng văn bản của người bị chất vấn và báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân.

3. Chậm nhất là 30 ngày kể từ ngày nhận được văn bản trả lời chất vấn, nếu không đồng ý với nội dung trả lời, đại biểu Hội đồng nhân dân gửi đề nghị, kiến nghị về những vấn đề trả lời chất vấn bằng văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân thông qua Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp.

4. Bộ máy giúp việc của Hội đồng nhân dân các cấp báo cáo tổng hợp đề nghị, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân đối với việc trả lời chất vấn bằng văn bản. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét, báo cáo, quyết định các nội dung sau:

a) Những vấn đề yêu cầu người bị chất vấn làm rõ hơn theo yêu cầu của đại biểu Hội đồng nhân dân;

b) Những vấn đề đưa ra chất vấn tại phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân gần nhất;

c) Những vấn đề đưa ra chất vấn tại kỳ họp Hội đồng nhân dân gần nhất;

d) Những vấn đề kiến nghị Hội đồng nhân dân xem xét trách nhiệm đối với người bị chất vấn.

MỤC 2

GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ

**Điều 33. Tiêu chí lựa chọn giám sát chuyên đề**

Chuyên đề giám sát được lựa chọn căn cứ vào các tiêu chí theo thứ tự ưu tiên sau đây:

1. Là những vấn đề bức xúc, nổi lên ở địa phương hoặc ảnh hưởng đến đời sống an sinh, xã hội, an ninh, quốc phòng, kinh tế - xã hội được đại biểu Hội đồng nhân dân, cử tri và nhân dân quan tâm; gắn với việc xây dựng, thi hành pháp luật.

2. Không trùng với nội dung giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân cấp trên, các cơ quan của Hội đồng nhân dân cấp trên tiến hành giám sát tại địa phương mình. Đối với giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh không trùng với nội dung giám sát của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội tiến hành tại địa phương mình.

3. Giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân không trùng với các chuyên đề giám sát đã được Hội đồng nhân dân cấp mình tiến hành giám sát trong khoảng 02 năm tính đến thời điểm đề xuất.

Nội dung giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân không trùng với nội dunggiám sát của Hội đồng nhân dân; Giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân không trùng với giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân đã được tiến hành giám sát trong khoảng thời gian 02 năm tính đến thời điểm đề xuất.

4. Đảm bảo cân đối, phù hợp giữa các lĩnh vực.

5. Phạm vi giám sát phù hợp với điều kiện thực hiện của các cơ quan của Hội đồng nhân dân.

**Điều 34. Chuẩn bị dự thảo Nghị quyết về thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân**

1. Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp chuẩn bị dự thảo nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân, gửi xin ý kiến các Ban của Hội đồng nhân dân, hoàn thiện, trình xin ý kiến Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Trên cơ sở ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân, Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp tiếp thu, hoàn thiện dự thảo, gửi xin ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Trên cơ sở ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân, Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp giúp Thường trực Hội đồng nhân dân hoàn thiện báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến đại biểu Hội đồng nhân dân, chỉnh lý dự thảo nghị quyết, trình Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua.

4. Bộ máy giúp việc Hội đồng nhân dân các cấp chuẩn bị dự thảo nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân, gửi xin ý kiến các Ban của Hội đồng nhân dân, các thành viên của Thường trực Hội đồng nhân dân, trình Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký ban hành.

**Điều 35. Nghị quyết thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân**

1. Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân xem xét, thông qua dự thảo Nghị quyết Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân sau khi Chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân được thông qua.

2. Nội dung nghị quyết thành lập Đoàn giám sát, thành phần Đoàn giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân thực hiện theo quy định tại Khoản 1, Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Danh sách cụ thể thành viên Đoàn giám sát có thể được điều chỉnh do yêu cầu giám sát hoặc do yêu cầu khách quan khác; Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định việc điều chỉnh thành viên Đoàn giám sát trên cơ sở đề nghị của Trưởng Đoàn giám sát.

**Điều 36. Quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân**

1. Chậm nhất 30 ngày sau khi Chương trình giám sát hằng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân được thông qua, Thường trực Hội đồng nhân dân ban hành Quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề gồm các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 70 của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

2. Chậm nhất 20 ngày sau khi Chương trình giám sát hằng năm của các Ban Hội đồng nhân dân được quyết định, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề của Ban của Hội đồng nhân dân.

3. Quyết định thành lập Đoàn giám sát gồm các nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 88 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Danh sách cụ thể thành viên Đoàn giám sát có thể được điều chỉnh do yêu cầu giám sát hoặc do yêu cầu khách quan khác; Thường trực Hội đồng nhân dân, Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân quyết định việc điều chỉnh trên cơ sở đề nghị của Trưởng Đoàn giám sát.

**Điều 37. Nguyên tắc hoạt động của Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân, các Ban của Hội đồng nhân dân**

1. Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân hoạt động theo nguyên tắc tập trung, dân chủ; đoàn giám sát tổ chức các đoàn công tác để thực hiện các nhiệm vụ theo phân công của Trưởng đoàn.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân phụ trách lĩnh vực có liên quan đến chuyên đề giám sát giúp Đoàn giám sát thực hiện các công việc về nội dung giám sát, xây dựng và hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát, dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề.

3. Cuộc họp, cuộc làm việc toàn thể của Đoàn giám sát do Trưởng Đoàn giám sát hoặc Phó Trưởng Đoàn giám sát chủ trì, bảo đảm ít nhất hai phần ba tổng số thành viên Đoàn giám sát tham dự; trường hợp Đoàn giám sát yêu cầu cơ quan chịu sự giám sát báo cáo thì cơ quan này phải bố trí đúng thành phần tham dự và báo cáo theo quy định của pháp luật. Chủ trì cuộc họp, cuộc làm việc của Đoàn giám sát có thể hoãn cuộc họp, cuộc làm việc nếu không bảo đảm yêu cầu quy định tại khoản này.

4. Thành viên Đoàn giám sát có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Đoàn giám sát; trường hợp không tham gia phải báo cáo Trưởng Đoàn giám sát. Các cơ quan có người tham gia làm thành viên hoặc được mời tham gia Đoàn giám sát tạo điều kiện để người đó tham gia đầy đủ các hoạt động của Đoàn.

5. Việc tổ chức các hoạt động của Đoàn giám sát bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, đúng chức năng, nhiệm vụ, tránh phô trương, hình thức.

**Điều 38. Phương thức hoạt động giám sát của Đoàn giám sát**

1. Tổ chức cuộc họp của Đoàn giám sát, cuộc họp, cuộc làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Mời chuyên gia tư vấn.

4. Tổ chức hội thảo, tọa đàm, khảo sát thực tế nếu thấy cần thiết để đóng góp ý kiến, thu thập thông tin phục vụ các hoạt động của Đoàn giám sát, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát và xây dựng dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề.

Trưởng Đoàn giám sát quyết định phương thức hoạt động của Đoàn giám sát để phù hợp với nội dung, đối tượng, phạm vi giám sát và chủ thể tiến hành giám sát.

**Điều 39. Buổi làm việc của Đoàn giám sát với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan**

1. Đoàn giám sát tổ chức các buổi làm việc với Ủy ban nhân dân, các cơ quan của Ủy ban nhân dân, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp hoặc các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan tại địa điểm do Trưởng Đoàn giám sát quyết định.

Đoàn giám sát thông báo chương trình, thành phần và nội dung làm việc đến cơ quan chịu sự giám sát chậm nhất là 10 ngày trước ngày tổ chức cuộc làm việc.

2. Cuộc làm việc của Đoàn giám sát được tiến hành theo trình tự sau đây:

a) Thành viên Đoàn giám sát phối hợp với cơ quan chịu sự giám sát tuyên bố lý do và giới thiệu thành phần tham dự;

b) Trưởng Đoàn hoặc Phó Trưởng Đoàn giám sát điều hành cuộc làm việc;

c) Người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu sự giám sát trực tiếp trình bày báo cáo những nội dung theo yêu cầu của Đoàn giám sát; trường hợp không thể trực tiếp báo cáo thì có thể ủy quyền cho cấp phó sau khi đã báo cáo và được sự đồng ý của người chủ trì cuộc làm việc;

d) Thành viên Đoàn giám sát đặt câu hỏi hoặc nêu vấn đề thảo luận;

đ) Cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát giải trình theo yêu cầu của Đoàn giám sát;

e) Người được mời tham gia Đoàn giám sát, người tham dự cuộc làm việc phát biểu theo yêu cầu của người chủ trì cuộc làm việc;

g) Người chủ trì phát biểu kết thúc cuộc làm việc về các nội dung: công tác chuẩn bị báo cáo của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát; những nội dung đã thảo luận; kết quả đạt được, tồn tại hạn chế cần khắc phục, những nội dung cần báo cáo bổ sung, làm rõ; những nội dung liên quan khác.

**Điều 40. Đoàn giám sát tổ chức hội thảo, tọa đàm**

1. Trường hợp cần thiết, Đoàn giám sát tổ chức hội thảo để triển khai hoạt động của Đoàn giám sát, tổ chức hội thảo, tọa đàm để thu thập thông tin, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát. Mỗi Đoàn giám sát tổ chức không quá 01 hội thảo hoặc tọa đàm.

2. Chậm nhất 15 ngày trước ngày tổ chức hội thảo, tọa đàm, khảo sát thực tế, Đoàn giám sát xây dựng nội dung, chương trình, yêu cầu báo cáo, tham luận, yêu cầu về tổ chức phục vụ, gửi các cơ quan, đơn vị liên quan triển khai thực hiện.

**Điều 41. Xem xét báo cáo kết quả giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân**

1. Trước khi trình Hội đồng nhân dân, Đoàn giám sát báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân về kết quả giám sát. Hồ sơ báo cáo kết quả giám sát chuyên đề trình Thường trực Hội đồng nhân dân bao gồm:

a) Dự thảo Báo cáo tóm tắt kết quả giám sát của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân;

b) Dự thảo Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân;

c) Dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân;

d) Các phụ lục kèm theo báo cáo kết quả giám sát (nếu có);

đ) Báo cáo của cơ quan chịu sự giám sát; tài liệu minh họa và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Tài liệu quy định tại các điểm a, b, c khoản này được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả Đoàn giám sát theo trình tự quy định tại các điểm a,b,c Khoản 1 Điều 71 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Kết thúc phiên họp, chủ tọa kết luận những vấn đề cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện của Đoàn Giám sát.

3. Trưởng Đoàn giám sát chịu trách nhiệm chỉ đạo hoàn thiện dự thảo báo cáo kết quả Đoàn giám sát và dự thảo Nghị quyết giám sát chuyên đề trình Hội đồng nhân dân xem xét tại kỳ họp Hội đồng nhân dân.

4.Thường trực Hội đồng nhân dân trình Hội đồng nhân dân quyết định việc phát thanh, truyền hình thực tiếp phiên họp xem xét báo cáo kết quả giám sát.

5. Hồ sơ báo cáo kết quả giám sát chuyên đề trình Hội đồng nhân dân bao gồm:

a) Báo cáo tóm tắt kết quả giám sát của Đoàn giám sát Hội đồng nhân dân;

b) Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân;

c) Dự thảo nghị quyết giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân;

d) Các phụ lục kèm theo báo cáo kết quả giám sát (nếu có);

đ) Báo cáo của cơ quan chịu sự giám sát; tài liệu minh họa và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Tài liệu quy định tại các điểm a, b, c khoản này được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

6. Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát chuyên đề theo trình tự tại khoản a, b, c Khoản 1 Điều 71 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân

**Điều 42. Xem xét báo cáo kết quả giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân**

1. Hồ sơ báo cáo kết quả giám sát bao gồm:

a) Báo cáo tóm tắt của Đoàn giám sát;

b) Báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát;

c) Dự thảo kết luận giám sát chuyên đề của Thường trực Hội đồng nhân dân; Ban của Hội đồng nhân dân;

d) Các phụ lục kèm theo dự thảo báo cáo kết quả giám sát (nếu có);

đ) Báo cáo của cơ quan chịu sự giám sát; tài liệu minh họa và các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

Tài liệu quy định tại các điểm a, b, c khoản này được gửi bằng bản giấy, các tài liệu còn lại được gửi bằng bản điện tử.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân tại phiên họp theo trình tự quy định tại Khoản 1, Điều 71 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

Sau phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, Trưởng Đoàn giám sát tiếp thu ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân, hoàn thiện kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân về giám sát chuyên đề trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân ký ban hành. Báo cáo kết quả giám sát được gửi đến Hội đồng nhân dân cùng cấp tại kỳ họp gần nhất.

3. Ban của Hội đồng nhân dân xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát của Ban của Hội đồng nhân dân tại phiên họp theo trình tự quy định tại Khoản 1, Điều 81 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân. Sau phiên họp của Ban của Hội đồng nhân dân, Trưởng Đoàn giám sát tiếp thu, hoàn thiện báo cáo kết quả giám sát. Báo cáo kết quả giám sát được gửi đến Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

MỤC 3

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

**Điều 43. Hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Căn cứ vào chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và điều kiện thực tế tại đơn vị bầu cử; Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện hoạt động giám sát theo sự phân công của Hội đồng nhân dân hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân hoặc chủ động thực hiện quyền giám sát theo thẩm quyền của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và báo cáo với Thường trực Hội đồng nhân dân.

2. Trường hợp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân phân công Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân giám sát thì Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân có thẩm quyền giao Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện hoạt động giám sát.

Trường hợp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân chủ động giám sát theo thẩm quyền của mình thì Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có thẩm quyền ra quyết định và nội dung, thành phần giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

**Điều 44. Nhiệm vụ của Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân trong hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân**

Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có nhiệm vụ sau đây:

1. Quyết định kế hoạch giám sát hằng năm của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và gửi tới các thành viên trong Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

2. Tổ chức hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

3. Phân công các thành viên trong Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

4. Chịu trách nhiệm trước Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân về hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

5. Báo cáo kết quả giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân đến Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp.

**Điều 45. Nhiệm vụ của các thành viên của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân trong hoạt động giám sát**

Các thành viên của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân trong hoạt động giám sát có nhiệm vụ sau:

1. Tham gia đầy đủ các buổi giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân

2. Nghiên cứu tài liệu do các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu giám sát gửi đến.

3. Tham gia ý kiến vào dự thảo báo cáo kết quả giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

**Điều 46. Việc gửi quyết định giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát**

Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân có trách nhiệm gửi quyết định về việc giám sát tới cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan ít nhất 10 ngày trước ngày hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân bắt đầu.

**Điều 47. Việc cung cấp tài liệu của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân**

Cơ quan, tổ chức cá nhân chịu giám sát có trách nhiệm gửi tài liệu tới các thành viên của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân chậm nhất 05 ngày trước ngày hoạt động giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân bắt đầu.

Trong quá trình thực hiện hoạt động giám sát, cơ quan, tổ chức cá nhân chịu sự giám sát có trách nhiệm cung cấp tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung giám sát theo yêu cầu của Tổ trưởng Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân.

**Điều 48. Báo cáo kết quả giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân**

1. Báo cáo kết quả giám sát phải nêu rõ những yêu cầu, kiến nghị và thời hạn giải quyết để cơ quan chịu sự giám sát và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan biết để thực hiện.

2. Báo cáo kết quả giám sát của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân được gửi về Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân cùng cấp sau 10 ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát và gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.